

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HS-ST
Ngày 24-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Cao Sơn

Ông Đặng Văn Pé

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2021/TLST-HS, ngày 19 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Phú K, sinh ngày 06 tháng 9 năm 1989 tại huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đội 5, Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân K và bà Lê Thị L; có vợ là Nguyễn Thị Q; con: Có 02 con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11-11-2020 đến nay, có mặt;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1989, vắng mặt;

2. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1989, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 6/2019 đến tháng 3/2020 Trần Phú K sang Trung Quốc lao động làm thuê tại tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Tại đây Trần Phú K có quen Trần Ngọc

N, sinh năm 1989. ĐHKHTT: Ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang; Trần Ngọc N lấy chồng và sống tại tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Khoảng đầu tháng 3/2020, Trần Ngọc N biết Trần Phú K về Việt Nam và sẽ quay lại Trung Quốc làm việc nên Trần Ngọc N đã liên hệ với Trần Phú K qua ứng dụng Zalo và Wechat nhờ Trần Phú K đưa dẫn Đỗ Thị D là chị con bác của Trần Ngọc N sang Trung Quốc để tìm việc làm, Trần Phú K đồng ý. Trần Phú K được Trần Ngọc N cho số điện thoại của Đỗ Thị D là 0946494671. Sau khi trao đổi với Trần Ngọc N, Trần Phú K gọi điện thông báo cho Đỗ Thị D khoảng giữa tháng 3/2020 sẽ đi Trung Quốc, Đỗ Thị D đồng ý. Sau đó Trần Phú K bảo Đỗ Thị D gửi hộ chiếu, bản photo chứng minh nhân dân, bản photo sổ hộ khẩu ra thành phố Hà Nội nhờ người làm thủ tục cấp thị thực xuất cảnh sang Trung Quốc. Tuy nhiên do dịch bệnh Covid-19 nên Đỗ Thị D không được cấp thị thực, Trần Phú K đã lên thành phố Hà Nội lấy lại giấy tờ do Đỗ Thị D gửi và bảo Đỗ Thị D là sẽ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Sau khi biết thông tin không được cấp thị thực để xuất cảnh sang Trung Quốc, Trần Phú K đã tìm hiểu trên mạng xã hội qua ứng dụng TikTok và biết nhà xe “Thiên V” tại tỉnh Lạng Sơn, có thể đưa người sang Trung Quốc trái phép. Trần Phú K đã kết bạn với nhà xe này qua ứng dụng Wechat để đặt vấn đề đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Qua nói chuyện, Trần Phú K được một người nam giới tên V chủ nhà xe “Thiên V” cho biết nếu muốn sang Nam Ninh, Trung Quốc thì cứ bắt xe lên thành phố Lạng Sơn người này sẽ đón và chuẩn bị mỗi người 3.000 NDT (ba nghìn nhân dân tệ) tiền chi phí đi lại; sau khi biết giá tiền công đưa người xuất cảnh trái phép, Trần Phú K tính toán số tiền để đưa người từ tỉnh Bắc Ninh lên thành phố Lạng Sơn đến chỗ làm ở Hà Nam - Trung Quốc hết khoảng 16 đến 17 triệu đồng/1 người. Sau đó Trần Phú K báo lại cho Đỗ Thị D. Do Đỗ Thị D chưa có tiền nên Trần Phú K đồng ý đưa Đỗ Thị D sang Trung Quốc tìm việc làm ở chỗ của Trần Ngọc N, khi làm có tiền sẽ trả cho Trần Phú K sau, Đỗ Thị D đồng ý. Lúc này, Trần Phú K bảo Đỗ Thị D đi máy bay ra thành phố Hà Nội, Trần Phú K sẽ đón, sau đó Đỗ Thị D nhờ Trần Phú K mua giúp vé máy bay để Đỗ Thị D bay ra thành phố Hà Nội, Trần Phú K bảo Đỗ Thị D chuẩn bị số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) để mua vé máy bay. Đỗ Thị D đồng ý và chuyển khoản cho Trần Phú K 3.000.000đ qua ứng dụng chuyển tiền trực tuyến BANKPLUS.

Ngày 15-3-2020, Đỗ Thị D đi máy bay từ thành Phố Hồ Chí Minh ra thành Phố Hà Nội được Trần Phú K đón từ sân bay Nội Bài về tỉnh Bắc Ninh nghỉ ở một nhà nghỉ (không nhớ tên, địa chỉ cụ thể), tại đây có thêm Nguyễn Thị Q và Nguyễn Thị P. Sáng ngày 16-3-2020 bốn người cùng nhau đi xe khách lên thành phố Lạng Sơn. Đến Lạng Sơn Trần Phú K liên lạc với V qua ứng dụng Wechat thì được V hướng dẫn đến nghỉ trọ tại nhà nghỉ H, cạnh bến xe phía Bắc - Lạng Sơn đọi, khi nào đường biên đi được sẽ cho xe đến đón, Trần Phú K đồng ý và thuê hai phòng nghỉ tại nhà nghỉ H cho bốn người.

Chiều ngày 17-3-2020, V bảo một người đàn ông (không biết họ tên, địa chỉ) đi xe ô tô 7 chỗ ngồi, nhãn hiệu SUZUKI (không biết biển kiểm soát) đến đón nhóm của Trần Phú K và đưa vào khu vực thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Tại đây, nhóm của Trần Phú K đã được ba

người nam giới (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) đưa đi cùng một nhóm người Việt Nam xuất cảnh trái phép theo đường đồi sang Trung Quốc và ở lại trên rừng (không rõ địa danh) để chờ người đến đón.

Chiều tối ngày 18-3-2020 có hai người đàn ông Trung Quốc (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) đến đón và đưa Trần Phú K cùng mọi người vào sâu trong nội địa Trung Quốc. Trần Phú K đã trả cho người dẫn đường 6.000NDT (sáu nghìn nhân dân tệ) là tiền công đưa sang Trung Quốc trái phép của Trần Phú K và Đỗ Thị D, còn Nguyễn Thị Q và Nguyễn Thị P tự trả tiền cho người dẫn đường. Nhóm của Trần Phú K được bố trí xe ô tô để đưa về Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc và nghỉ tại đây một đêm (không biết địa chỉ cụ thể).

Ngày 19-3-2020, Trần Phú K đưa ba người đi tàu cao tốc đến tỉnh Hà Nam, Trung Quốc thì bị lực lượng chức năng phát hiện kiểm tra sức khỏe và đưa đi cách ly để phòng chống dịch bệnh Covid-19. Nguyễn Thị Q và Nguyễn Thị P sau khi cách ly dịch bệnh tại Trung Quốc thì được người quen của Nguyễn Thị P bảo lãnh và được trao trả về Việt Nam. Riêng Trần Phú K và Đỗ Thị D đến tháng 10/2020 mới được lực lượng chức năng Trung Quốc trao trả về Việt Nam theo đường Cửa khẩu quốc tế Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi trao trả, Trần Phú K và Đỗ Thị D được đưa vào khu cách ly tại phường T, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh 14 ngày theo quy định. Kết thúc thời gian cách ly, ngày 10-11-2020 Đỗ Thị D nộp Đơn tố giác Trần Phú K về hành vi Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép.

Lời khai Đỗ Thị D, Nguyễn Thị Q phù hợp với lời khai Trần Phú K, đối với Nguyễn Thị P (bạn Nguyễn Thị Q) do không có mặt tại địa phương nên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Cáo trạng số: 42/CT-VKS ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Trần Phú K về tội: Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép theo Điều 349 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Phú K và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Phú K phạm tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép; căn cứ vào khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Phú K từ 01 năm 08 tháng đến 02 năm 02 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, trả lại cho bị cáo 01 (một) căn cước công dân 030089001288 mang tên Trần Phú K do Cục cảnh sát ĐKQL và cư trú DLQG về dân cư cấp ngày 08-8-2020; 01 (một) hộ chiếu C1498759 mang tên Trần Phú K do Cục Quản lý xuất nhập cảnh ký ngày 22-4-2016; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu hồng đen, cũ, đã qua sử

dụng, bên trong có một sim điện thoại Mobifone, Số 8401 190824099515WD vật chứng này không liên quan đến việc phạm tội; căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màu xanh đen, cũ, đã qua sử dụng, bên trong có một sim điện thoại Viettel, Số 0984 04800 0050051751 của Trần Phú K; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng hồng, màn hình có kính bị xước, cũ, đã qua sử dụng, bên trong có một sim điện thoại Vinaphone, Số 89840200010621040468 của Đỗ Thị D xác định những vật chứng này liên quan đến việc phạm tội.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận và nói lời sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Đỗ Thị D vắng tại phiên tòa không lý do, nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Xét thấy, việc vắng của chị Đỗ Thị D không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận ngày 17-3-2020 bị cáo có hành vi đưa 03 người khác trốn ra sang Trung Quốc trái phép mà không có giấy tờ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền gì để hưởng lợi ích vật chất. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố Trần Phú K về tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép theo khoản 1 Điều 349 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh của các cơ quan có thẩm quyền của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi nhận thức được việc đưa người khác trốn đi ra khỏi biên giới Việt Nam mà không có giấy phép của Cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi

của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương. Do vậy, cần được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật mới có tác dụng giáo dục, răn đe đấu tranh và phòng ngừa chung.

[5] Để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo Trần Phú K là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có ông ngoại là liệt sỹ Lê Đình Kện đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, được Nhà nước tặng thưởng Bằng tổ quốc ghi công. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do hành vi của bị cáo là nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ để răn đe, giáo dục, thể hiện được sự nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 349 của Bộ luật Hình sự có quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...”. Tuy nhiên bị cáo là người lao động tự do, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh thu giữ 01 (một) căn cước công dân 030089001288 mang tên Trần Phú K do Cục cảnh sát ĐKQL và cư trú DLQG về dân cư cấp ngày 08-8-2020; 01 (một) hộ chiếu C1498759 mang tên Trần Phú K do Cục Quản lý xuất nhập cảnh ký ngày 22-4-2016; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu hồng đen, cũ, đã qua sử dụng, bên trong có một sim điện thoại Mobifone, Số 8401 190824099515WD xác định những vật chứng này không liên quan đến việc phạm tội nên căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tuyên trả cho bị cáo. Đối 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màu xanh đen, cũ, đã qua sử dụng, bên trong có một sim điện thoại Viettel, Số 0984 04800 0050051751 của Trần Phú K; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng hồng, màn hình có kính bị xước, cũ, đã qua sử dụng, bên trong có một sim điện thoại Vinaphone, Số 89840200010621040468 của Đỗ Thị D, xác định những vật chứng này liên quan đến việc phạm tội nên căn khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước. Những vật chứng trên được niêm phong trong 02 phong bì “CÔNG AN TỈNH QUẢNG NINH PHÒNG QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH” ĐT: 069.2808.114 FAX: 069.2808.255 SỐ.../XNC, mặt sau có đóng 03 (ba) dấu tròn của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Ninh và chữ ký cùng tên của Nguyễn Hoàng N, Chu Mạnh T, Đỗ Thị D, Trần Phú K.

[8] Đối với Trần Thị N, qua xác minh tại ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang không có công dân Trần Thị N, sinh năm 1989 cư trú. Tại ấp T chỉ có công dân Trần Ngọc N, sinh năm 1989, thời điểm xác minh, Trần Ngọc N không có mặt tại địa phương. Nguyễn Thị Q trú tại đội 5, Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương là vợ của Trần Phú K là người cùng mục đích trốn sang Trung Quốc trái phép để làm thuê cùng chồng không có tư lợi, không nhằm mục đích môi giới. Nguyễn Thị P trú tại tỉnh Nghệ An là bạn của Nguyễn Thị Q, do không có thông tin địa chỉ, nơi cư trú của Nguyễn Thị P, vì vậy cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn không có căn cứ xác minh. Đối với người đàn ông tên V là chủ nhà xe “Thiên V” Trần Phú K chỉ được trao đổi, liên lạc với V qua mạng xã hội TikTok, Wechat, không biết họ tên, địa chỉ và chưa gặp mặt V lần nào, do đó Cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra, xác minh làm rõ. Về người đàn ông lái xe ô tô SUZUKI, loại 7 chỗ ngồi đến đón Trần Phú K, Nguyễn Thị Q, Đỗ Thị D, Nguyễn Thị P tại nhà nghỉ H chiều ngày 17-3-2020 và đưa vào khu vực biên giới thuộc xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Do Trần Phú K không biết họ tên, địa chỉ của người lái xe, không biết biển kiểm soát của xe ô tô nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, xác minh. Về 03 người nam giới đón và đưa Trần Phú K, Nguyễn Thị Q, Đỗ Thị D, Nguyễn Thị P cùng những người khác từ xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Do Trần Phú K không biết thông tin những người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý theo quy định. Do vậy, những đối tượng nêu trên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với hai người đàn ông Trung Quốc là người đón Trần Phú K, Nguyễn Thị Q, Đỗ Thị D, Nguyễn Thị P đi sâu vào trong nội địa Trung Quốc, Trần Phú K gặp lần đầu, không biết tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ Ủy thác tư pháp.

[10] Về án phí : Bị cáo là bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; căn cứ khoản 2 Điều 47, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1

Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Phú K phạm tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép.

2. Về hình phạt

Xử phạt bị cáo Trần Phú K 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 11-11- 2020).

3. Về xử lý vật chứng

- Tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màu xanh đen, cũ, đã qua sử dụng, bên trong có một sim điện thoại Viettel, Số 0984 04800 0050051751 của Trần Phú K; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng hồng, màn hình có kính bị xước, cũ, đã qua sử dụng, bên trong có một sim điện thoại Vinaphone, Số 89840200010621040468 của Đỗ Thị D là vật chứng vụ án.

- Tuyên trả cho bị cáo 01 (một) căn cước công dân 030089001288 mang tên Trần Phú K do Cục cảnh sát ĐKQL và cư trú DLQG về dân cư cấp ngày 08-8-2020; 01 (một) hộ chiếu C1498759 mang tên Trần Phú K do Cục Quản lý xuất nhập cảnh ký ngày 22-4-2016; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu hồng đen, cũ, đã qua sử dụng, bên trong có một sim điện thoại Mobifone, Số 8401 190824099515WD những vật chứng này không liên quan đến việc phạm tội.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14 tháng 4 năm 2021).

4. Về án phí:

Bị cáo Trần Phú K phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niên yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h Lộc Bình, t Lạng Sơn;
- Đội TH Công an h. Lộc Bình, t Lạng Sơn;
- CQTHAHS CA h Lộc Bình, t Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. L, t Lạng Sơn;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒ**

Hoàng Thị Ngọc

